

Số: 23/NQ-HĐKĐCLGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TTKĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng);

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại kỳ họp thứ XVI của Hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2022.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng đúng quy định, quy trình, đảm bảo tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục như sau: Số tiêu chí “đạt yêu cầu” là 46 trên tổng số 50 tiêu chí (chiếm 92,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”, với điểm đánh giá chung là 3,94 theo thang điểm 7 (Phụ lục I).

**Điều 2.** Khuyến nghị Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các giải pháp đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục cho giai đoạn 5 năm đánh giá tiếp theo (2022 – 2026) (*Phụ lục II*).

**Điều 3.** Đối chiếu với Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng thống nhất công nhận Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo và khuyến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

**Nơi nhận:**

- Trường ĐH Giao thông vận tải TP.HCM;
- Giám đốc TTKĐCLGD;
- HĐKĐCLGD (09);
- Phòng ĐGCLGD;
- Lưu: VT. *h*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*Lê Ngọc Quỳnh Lam*

★ **Lê Ngọc Quỳnh Lam**

IA T  
TRU  
KIỀ  
HÀ  
GIÁ  
G



**Phụ lục I**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 4 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Điểm theo tiêu chuẩn			
	Điểm theo tiêu chí	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100,00
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 8.1	5	4,20	5	100,00
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 10.1	4	3,67	4	66,67
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			
<b>Đánh giá chung</b>	<b>3,94</b>	<b>46</b>	<b>92,00</b>	

*Hoz*

**Phụ lục II**  
**KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 4 năm 2022*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Khoa Công nghệ thông tin (Khoa), Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (Trường) trước đây là phân khoa Công nghệ thông tin thuộc Phân hiệu Đại học Hàng hải. Khoa có 05 bộ môn, bao gồm Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông, Kỹ thuật máy tính, Tin học đại cương để thực hiện nhiệm vụ đào tạo các trình độ đại học và thạc sĩ.

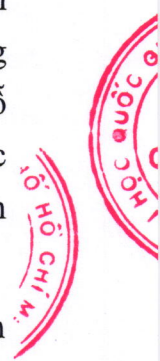
Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh có những điểm mạnh nổi bật như sau:

**Về thiết kế chương trình đào tạo và triển khai hoạt động dạy – học:** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được cập nhật năm 2019 và 2020 dựa trên nhu cầu nhân lực, sự phát triển của lĩnh vực Công nghệ thông tin, định hướng gắn kết với ứng dụng Công nghệ thông tin vào lĩnh vực giao thông, ý kiến của giảng viên, cựu người học và nhà tuyển dụng; được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa, Phòng Đào tạo và hệ thống EPMT. Từ năm 2020, đề cương học phần có đầy đủ các thông tin. Các nội dung, hoạt động dạy và học của học phần gắn kết với chuẩn đầu ra của học phần và có chỉ rõ hoạt động tự học của người học. Cấu trúc chương trình dạy học thể hiện rõ sự phân bố các học phần theo học kỳ; chuỗi các học phần tiên quyết, học trước, tự chọn; mối liên hệ giữa các học phần trong cùng nhóm kiến thức. Triết lý giáo dục được lồng ghép trong bài giảng của giảng viên. Giảng viên sử dụng phương pháp dạy học đa dạng, kết hợp giảng dạy lý thuyết, thực hành, gắn kết với các hoạt động thực tế, đẩy mạnh học tập chủ động, thực hành nhóm nhằm thúc đẩy khả năng học tập suốt đời. Trường có ban hành quy định và quy trình đánh giá kết quả học tập của người học; quy định về việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.

**Về nguồn lực:** Chiến lược phát triển giai đoạn 2014 - 2020 nêu rõ nội dung phát triển đội ngũ giảng viên. Tỷ lệ giảng viên/người học phù hợp các quy định. Trường có quy định về khối lượng công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học tiêu chuẩn, cách quy đổi khối lượng công việc cho đội ngũ giảng viên. Năng lực giảng viên được xác định, đáp ứng các quy định hiện hành về nhiệm vụ giảng viên. Giảng viên được đánh giá, công nhận và khen thưởng theo kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được giám sát từng năm học. Trường có

thực hiện việc quy hoạch, thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên; các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên được rà soát, điều chỉnh cập nhật và phổ biến công khai cho các bên liên quan. Trường đã xây dựng quy trình, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên và được đa số nhân viên hài lòng. Hằng năm, Trường thực hiện việc khảo sát, xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Hệ thống văn bản quy định khối lượng công việc, khen thưởng, công nhận đối với nhân viên được cập nhật, tạo cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc. Trường có chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, chi tiết, được cập nhật hằng năm, phù hợp với Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan. Các đơn vị trong trường phối hợp hỗ trợ người học về học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ khác; giám sát định kỳ và phản hồi về khối lượng học tập, điểm rèn luyện và cảnh báo học vụ kịp thời cho người học thông qua hệ thống EPMT. Môi trường học tập an toàn, văn minh; có khảo sát người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan. Hệ thống các phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm, phòng chức năng, phòng làm việc được trang bị các trang thiết bị cần thiết hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đảm bảo tỉ lệ diện tích phục vụ đào tạo theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT. Hệ thống thư viện có tương đối đầy đủ các tài liệu, học liệu; phát triển cổng thông tin điện tử và liên kết với các thư viện khác. Trường có đủ phòng thực hành máy tính, phòng mô phỏng được trang bị cấu hình phù hợp hỗ trợ người học thực hành và nghiên cứu; việc quản lý sử dụng các trang thiết bị tại các phòng thực hành/thí nghiệm được thực hiện tốt. Trường đã ban hành quy định về văn hoá học đường và văn hoá chất lượng trong trường học.

**Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra:** Trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan và thông tin thị trường lao động; có triển khai kế hoạch góp ý quy định thiết kế chương trình đào tạo; triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong từng học kỳ. Có các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực công nghệ thông tin, lĩnh vực dạy và học. Kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển tải vào bài giảng dưới dạng các tình huống thực tế. Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá hiệu quả về chất lượng dịch vụ. Tỉ lệ người học thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, người học tốt nghiệp có việc làm được phân tích, đánh giá và được đề xuất giải pháp cải thiện. Doanh nghiệp đánh giá cao về kiến thức nền tảng, thái độ làm việc và sự thích ứng nhanh với xu thế của người học. Đa số người học và người học tốt nghiệp hài lòng về chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất và tính thực tiễn của chương trình đào tạo.



Ho2

Bên cạnh những mặt mạnh, Hội đồng khuyến nghị Trường/Khoa cải thiện chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học như sau:

1. Thể hiện rõ tính khác biệt, đặc thù của chương trình đào tạo vào mục tiêu đào tạo. Điều chỉnh các phát biểu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo về tự đào tạo và học tập suốt đời để có thể đo lường được. Xác định rõ nội dung khảo sát các bên liên quan về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo từng nhóm đối tượng khảo sát để thu được các ý kiến phản hồi cụ thể.

2. Trích lọc thông tin của chương trình đào tạo phù hợp với từng đối tượng cần truyền tải thông tin để việc phổ biến chương trình đào tạo được hiệu quả hơn. Rà soát tổng thể và triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung các đề cương học phần nhằm bảo đảm tính cập nhật và phù hợp.

3. Rà soát tổng thể việc phân nhiệm chuẩn đầu ra vào các học phần nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả thi, giúp người học tích lũy được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Rà soát và có giải pháp đảm bảo người học có thể đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo hai lựa chọn bao gồm thực hiện luận văn tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. Tăng cường hiệu quả công tác đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở giáo dục khác nhằm cải tiến chất lượng, trong đó chỉ rõ những thay đổi, cập nhật dựa trên thông tin từ hoạt động đối sánh.

4. Triển khai đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo. Tăng cường tập huấn cho đội ngũ giảng viên về thiết kế và đánh giá phương pháp dạy học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

5. Triển khai đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo. Bổ sung việc công bố điểm quá trình trong các quy định liên quan đến công bố kết quả học tập của người học.

6. Quan tâm phát triển đội ngũ nghiên cứu viên; xây dựng chính sách đãi ngộ, thu hút tốt để phát triển đội ngũ giảng viên, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ban hành quy định về khối lượng đối với hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên. Hồ sơ năng lực giảng viên cần được xây dựng với đầy đủ thông tin và được cập nhật thường xuyên; sử dụng kết quả đánh giá năng lực, phân loại giảng viên hằng năm cho công tác khen thưởng và đề bạt. Trường, Khoa triển khai thực hiện việc phân công chi tiết hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho giảng viên hằng năm phù hợp với định hướng và kế hoạch của Trường, Khoa.

7. Trường cần quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích dự báo nhu cầu cụ thể theo từng ngành; tăng cường quy hoạch đội ngũ nhân viên có chuyên môn, tập

IA TH  
TRUNG  
KIỂM  
HẬT  
GIÁC  
v

trung phục vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trường nên định lượng hóa năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua áp dụng hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Tăng cường xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Hướng dẫn đội ngũ nhân viên phương pháp xây dựng, thực hiện và quản lý kế hoạch công việc cá nhân.

8. Thực hiện khảo sát đầy đủ ý kiến các bên liên quan về việc xây dựng chính sách tuyển sinh; rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học và phân tích nhu cầu nhân lực của các ngành trong Trường. Tổ chức đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học; nên có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm và ươm tạo khởi nghiệp để các hoạt động này được tổ chức hiệu quả hơn. Đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động nhóm và ngoại khóa của người học. Bố trí cán bộ tư vấn tâm lý học đường cho người học, bên cạnh tư vấn học tập.

9. Có kế hoạch quy hoạch, cải thiện diện tích một số phòng làm việc tại cơ sở chính, phòng làm việc cho giáo sư và phó giáo sư. Thư viện cần cung cấp đủ các tài liệu bắt buộc (có bản quyền) và các tài liệu tham khảo chính trong các đề cương học phần. Khoa cần tăng cường các phần mềm chuyên dụng cho các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu chuyên ngành. Trường cần nâng cấp hệ thống wifi, đảm bảo đường truyền ổn định ở tất cả các cơ sở của Trường; thống kê người học có nhu cầu đặc biệt để có kế hoạch hỗ trợ phù hợp và kịp thời.

10. Đảm bảo thông tin thu thập từ các bên liên quan phù hợp cho việc cải tiến chương trình dạy học. Ban hành quy định về việc đánh giá quá trình dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập, đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan; định kỳ đánh giá kết quả sử dụng các ý kiến vào việc cải tiến chất lượng đào tạo và dịch vụ.

11. Tăng cường giải pháp nhằm cải thiện tỉ lệ người học tốt nghiệp. Xây dựng nhận thức đúng đắn về nghiên cứu khoa học cho người học; định hướng cho người học rèn luyện năng lực nghiên cứu khoa học ngay từ năm đầu với các đề tài phù hợp. Trường/Khoa cần có rà soát, đánh giá tổng thể mức độ hài lòng của các bên liên quan dựa trên sự thay đổi cải tiến của Trường/Khoa theo thời gian.

Hội đồng đề nghị Trường/Khoa duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đã có, đồng thời thực hiện các khuyến nghị đã nêu của Hội đồng về việc khắc phục những tồn tại. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Khoa cần xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Vào giữa chu kỳ kiểm định (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn



H

chất lượng chương trình đào tạo), Trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định./.

